

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST  
Ngày 20-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Duân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Như Huy

Ông Đinh Doãn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Đức Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Bạch Nam Chu Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Quang B – sinh năm 1977, bà Quách Thị Phương M - sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Thôn Định Xuân, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Ủy quyền cho bà Hồ Thị Hương – Sinh năm 1983, địa chỉ: Khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2022) (có mặt).

**2. Bị đơn:** Vợ chồng ông Trương Văn T – sinh năm: 1978, bà Võ Thị Kim D – sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn An Ngoại, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 và Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2022; Biên bản đối chất ngày 09/8/2022; Biên bản hòa giải ngày 12/8/2022 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Quang B và bà Quách Thị Phương M cùng thống nhất trình bày:

Bà Quách Thị Phương M và bà Võ Thị Kim D có quan hệ họ hàng là chị em bạn dì họ. Ngày 10/10/2020, vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D có mượn vợ chồng ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M số tiền 1.050.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận bên vay trả lãi suất 08 triệu đồng/tháng. Khi vay, nguyên đơn có hỏi *“Nếu như rủi ro và trục trặc công việc gì thì số tiền tôi như thế nào?”* thì bị đơn trả lời *“Nếu như trục trặc rủi ro thì vợ chồng tôi sẽ chịu trách nhiệm, còn không vợ chồng tôi sẽ bán tài sản trả cho vợ chồng ông B – bà M”*. Đến nay, ông T, bà D đã trả 50 triệu đồng tiền gốc và 03 tháng tiền lãi, số tiền còn lại chưa trả theo hai bên đã thỏa thuận. Nay ông B, bà M yêu cầu ông T, bà D phải trả 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 17 tháng tiền lãi tính từ ngày 11/01/2020 đến ngày 11/6/2022 với số tiền lãi là 144.500.000 đồng ( $1 \text{ tỷ} \times 0,85\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng}$ ). Ngoài ra, vợ chồng ông B, bà M không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022; Biên bản đối chất ngày 09/8/2022; Biên bản hòa giải ngày 12/8/2022 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Văn T, Võ Thị Kim D cùng trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2020, vợ chồng ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M nghe thông tin ông T, bà D có làm cho vay tiền đáo hạn ngân hàng nên đến nhà ông T đặt vấn đề phối hợp cùng làm công việc này. Ông B, bà M đưa 1.050.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà D với yêu cầu *“Đưa tiền đáo hạn cho ai phải nói cho vợ chồng ông B, bà M biết”*, số tiền lãi hai bên thỏa thuận là bên vay 100 triệu đồng thì mỗi ngày trả lãi 200.000 đồng. Ông T, bà D cho người khác vay đáo hạn Ngân hàng khoảng 08 đến 10 tháng năm 2020 sau thì họ vỡ nợ không có tiền trả, nghe thông tin như vậy nên ngày 10/10/2020, vợ chồng ông B, bà M đến nhà ông T đưa tờ giấy mượn tiền viết sẵn nội dung đề ngày 10/10/2020 ghi nội dung vợ chồng ông T, bà D mượn 1.050.000.000 đồng của vợ chồng ông B, bà M. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận miệng là vợ chồng ông T, bà D phải trả lãi 08 triệu đồng/tháng. Sau 03 tháng, ông T, bà D đưa cho ông B, bà M bộ bàn ghế gỗ để trừ đi 50 triệu đồng tiền gốc đồng thời trả lãi 07 triệu đồng/tháng thêm được 03 tháng. Sau những tháng tiếp theo ông T, bà D không có khả năng nên không tiếp tục trả gốc và lãi nữa.

Nay, vợ chồng ông B, bà M yêu cầu trả 01 tỷ đồng tiền gốc và 144.500.000 đồng tiền lãi, vợ chồng ông T, bà D xác nhận số tiền nợ trên nhưng có mong muốn trả tiền dần dần vì không có khả năng trả tiền một lần. Mặt khác, hiện nay vợ

chồng ông T, bà D đang khởi kiện đòi nợ đối với một số người mà ông T, bà D cho vay đáo hạn Ngân hàng tại Tòa án huyện Vĩnh Thạnh chưa xét xử. Do đó, khi nào Tòa xử xong, lấy được tiền thì ông T, bà D sẽ cân đối và trả nợ cho vợ chồng ông B, bà M theo đúng thỏa thuận ban đầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M, buộc vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D trả cho vợ chồng ông B, bà M số tiền 01 tỷ đồng tiền gốc và 144.500.000 đồng tiền lãi; Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D phải chịu 37.033.500 đồng nộp vào ngân sách nhà nước, nhưng ông T, bà D được miễn nộp án phí vì thuộc hộ cận nghèo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn cư trú tại huyện Vĩnh Thạnh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Các đương sự đều chấp hành nghiêm túc, đầy đủ.

[2]. Về Hợp đồng và các vấn đề liên quan đến quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Theo giấy mượn tiền 10/10/2020 được ký kết giữa vợ chồng Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M và vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D được thể hiện các bên có thỏa thuận với nhau về số tiền vay, thời gian vay và phương thức trả nợ. Đây là hợp đồng vay tài sản hợp pháp, đúng quy định pháp luật và có giá trị pháp lý bắt buộc các bên phải thực hiện. Tuy nhiên, trong hợp đồng này không có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ mà thỏa thuận “*Trả dần dần*”. Do vậy, cần ghi nhận theo yêu cầu của nguyên đơn về phân kỳ trả nợ cho bị đơn làm 11 lần trả tiền cả gốc và lãi.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, bà M buộc vợ chồng ông T, bà D phải trả cho ông B, bà M số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và số tiền lãi 144.500.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét lỗi vi phạm là do phía vợ chồng ông T, bà D là chính, bên phía vợ chồng ông B, bà M cũng có một phần lỗi, nên ghi nhận yêu cầu khởi kiện của vợ

chồng ông B, bà M buộc ông T, bà D phải trả nợ theo phương thức và thời hạn của vợ chồng ông B, bà M đưa ra tại phiên tòa như nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn ông T, bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nhưng ông T, bà D được miễn vì thuộc diện hộ cận nghèo. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Ph, buộc vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D trả cho vợ chồng ông B, bà M số tiền 01 tỷ đồng tiền gốc và 144.500.000 đồng tiền lãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận và ghi nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M đối với vợ chồng Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D.

2. Buộc vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quang B, bà Quách Thị Phương M số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 144.500.000 đồng; Tổng cộng số tiền gốc và lãi 1.144.500.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); Số tiền trên sẽ trả làm 11 đợt, mỗi đợt trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), đợt cuối trả 144.500.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*); phương thức trả định kỳ hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng, thời hạn bắt đầu từ tháng 10/2022 trở đi cho đến khi trả xong tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Vợ chồng ông Trương Văn T, bà Võ Thị Kim D phải chịu 37.033.500 đồng (*Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm nghìn đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước, nhưng ông T, bà D được miễn nộp án phí vì thuộc hộ cận nghèo.

3.2. Hoàn trả lại số tiền 23.040.000 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) cho bà Quách Thị Phương M theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006551 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

#### 4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Duân**